

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LƯƠNG TÀI (LUT)

Năm báo cáo: 2014

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LƯƠNG TÀI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0302879813
- Vốn điều lệ : 150.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ : 173A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Q.Phú Nhuận, TP. HCM.
- Điện thoại : (84.8) 3 842 1026 – (84.8) 3 842 1028
- Fax : (84.8) 3 842 1029
- Website : www.luongtaigroup.com
- Mã cổ phiếu : **LUT**

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lương Tài (LUTACO) tiền thân là Đội thi công cơ giới và duy tu đường bộ được thành lập vào ngày 26/03/1987, thuộc “Liên hiệp Xí nghiệp Giao thông 7”, nay là Tổng Công ty quản lý đường bộ 7.
- Tháng 10/1997 đội là thành viên của Công ty thi công cơ giới với vai trò nòng cốt.
- Tháng 2/2003, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lương Tài được thành lập dựa trên nền tảng cơ sở vật chất và nhân lực của Đội thi công cơ giới và duy tu đường bộ.
- Ngày 04/01/2008 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lương Tài đã chính thức niêm yết và giao dịch trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu LUT.
- Ngày 12/07/2011 Công ty chính thức giao dịch cổ phiếu niêm yết bổ sung tăng vốn điều lệ lên thành 150 tỷ đồng, trở thành doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề với ngành nghề chính yếu là xây dựng công trình cầu đường và cơ sở hạ tầng.
- Ngày 11/08/2011 hoàn tất và đưa vào sử dụng, khai thác Tòa nhà LUTACO cao 12 tầng, với diện tích gần 5.000 m², đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình xây dựng và phát triển của Công ty. Đây cũng là trụ sở làm việc chính thức của toàn bộ LUTACO Group.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:
 - Xây dựng các công trình hạ tầng, công nghiệp;
 - Cho thuê nhà ở, văn phòng;

- Đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy hoạch;
- Cho thuê máy móc thiết bị thi công;
- Địa bàn kinh doanh: Xây dựng các công trình cầu đường trên địa bàn rộng khắp từ khu vực miền Bắc, miền Trung, đến miền Nam.
- Các công trình trọng yếu đã và đang thực hiện:
 - Dự án Đường cao tốc Cầu Giẽ Ninh Bình.
 - Dự án nâng cấp tỉnh lộ 280 ở Bắc Ninh.
 - Dự án Kênh Tân Hóa – Lò Gốm, Tp HCM.
 - Dự án Cao Tốc Hà Nội-Hải Phòng.
 - Dự án cao tốc Nội Bài – Lào Cai.
 - Dự án mở rộng Quốc Lộ 1A, đoạn qua Bình Thuận.
 - Tuyến metro Sài Gòn – Suối Tiên.
 - Dự án cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi.

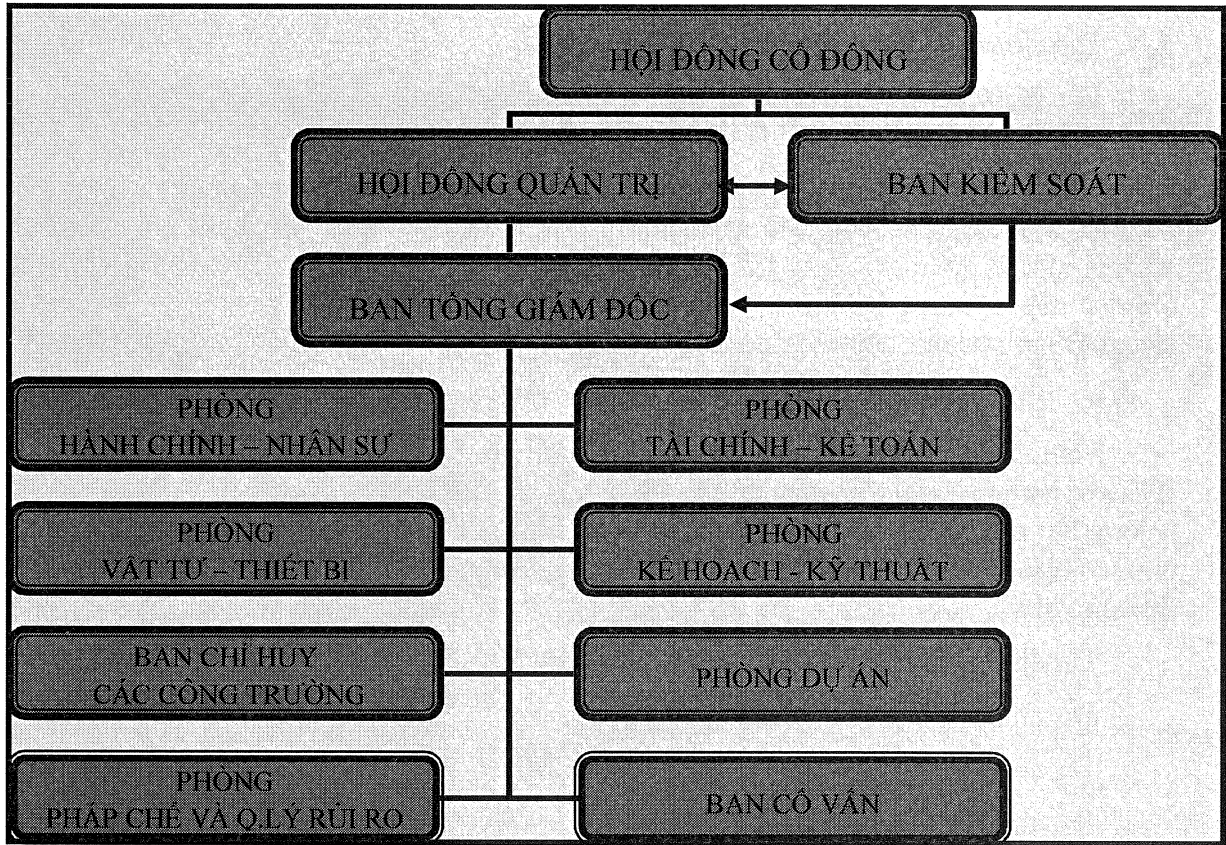
Các dự án tham gia đầu tư

STT	DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	QUI MÔ
1	Khu du lịch Lộc An Xanh	Xã Lộc An, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	24.7 ha
2	Khu đô thị Kim Dinh	Phường Kim Dinh, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	79 ha

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị.
- Cơ cấu bộ máy quản lý.

Sơ đồ tổ chức:



5. Định hướng phát triển

⚡ Định hướng trọng tâm năm 2015, triển vọng và kế hoạch phát triển trong tương lai:

Trước nhận định năm 2015 là năm kinh tế thế giới và Việt Nam được dự báo tiếp tục đà phục hồi mạnh mẽ. Thị trường bất động sản, xây dựng sẽ chuyển mình với những chính sách vi mô, vĩ mô đã và đang triển khai, Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất tập trung chỉ đạo, đề ra những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2015 để tiếp tục tăng cường hiệu quả sản xuất kinh doanh, từng bước vươn lên, giữ vững giá trị thương hiệu LUATCO.

- *Đối với lĩnh vực xây lắp:*

Năm 2015, Chính phủ sẽ tiếp tục kêu gọi đầu tư công dưới nhiều hình thức: BOT-BT... từ nhiều nguồn vốn như ODA, IDA, vốn trái phiếu. Do đó, Công ty Lương Tài chủ trương tập trung triển khai thi công các công trình, dự án trọng điểm được chính phủ quan tâm, có nguồn vốn ổn định và phải hoàn thành đúng tiến độ. Một vài dự án lớn đã và đang thi công như :

- Dự án Đường cao tốc Cầu Giẽ Ninh Bình.
- Dự án nâng cấp tỉnh lộ 280 ở Bắc Ninh.
- Dự án Kênh Tân Hóa – Lò Gốm, Tp HCM.
- Dự án Cao Tốc Hà Nội-Hải Phòng.
- Dự án cao tốc Nội Bài – Lào Cai.
- Dự án mở rộng Quốc Lộ 1A, đoạn qua Bình Thuận.
- Cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi...

Để tạo niềm tin cho chủ đầu tư, nâng cao thương hiệu, uy tín của LUTACO, trong năm nay, HĐQT sẽ chỉ đạo Ban Giám đốc tập trung nhân lực, vật tư, thiết bị để triển khai đúng tiến độ theo như yêu cầu của chủ đầu tư.

Các dự án dự kiến sẽ tham dự thầu trong năm 2015-2016:

- Dự án Đường cao tốc Hà Nội-Lạng Sơn ;
- Dự án đường cao tốc Biên Hoà –Vũng Tàu;
- Dự án cao tốc Bến Lức – Long Thành;
- Dự án cao tốc La Sơn – Túy Loan;
- Các dự án nâng cấp và cải tạo GT TP.HCM giai đoạn 2010-2015;
- Các dự án chống ngập tại TP. HCM 2015-2020;
- Các dự án phát triển và nâng cao năng lực giao thông Đồng bằng sông Cửu Long.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lương Tài tiếp tục thực hiện theo chiến lược kinh doanh đã được hoạch định.

- Cũng cố và phát triển hơn nữa trong việc quảng bá thương hiệu xây lắp ở địa bàn miền Bắc và miền Trung bằng chất lượng – tiến độ bàn giao công trình với các Chủ đầu tư.
- Giữ vững và mở rộng thị phần xây lắp ở khu vực phía Nam.
- Tích cực tham gia vào thị trường xây lắp ở khu vực phía Bắc.

- Tham gia các gói thầu của các dự án xây dựng mạng lưới đường cao tốc Việt Nam.

- *Đối với lĩnh vực đầu tư:*

Tiếp tục với quan điểm xuyên suốt từ giai đoạn 2010-2015 là không đầu tư dàn trải, chỉ tập trung vào các dự án trọng điểm có tính khả thi cao, mang lại lợi nhuận tối đa cho cổ đông và nâng cao hình ảnh, uy tín công ty. Hội đồng quản trị đề nghị chỉ đạo:

- Hoàn tất các công tác liên quan dự án khu resort Lộc An Xanh.
- Nhanh chóng hoàn tất các thủ tục đầu tư để có giấy phép đầu tư khu đô thị mới Kim Dinh.
- Tích cực tìm kiếm nguồn vốn và các đối tác chiến lược để tiến hành đầu tư xây dựng khi điều kiện cho phép.
- Tích cực nghiên cứu, mở rộng tìm kiếm, tìm hiểu, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để phát triển các dự án mới.

- *Về cơ cấu vốn:*

- Năm 2015 sẽ tiếp tục triển khai sử dụng tốt nguồn tín dụng ổn định này và đề nghị tăng thêm hạn mức tín dụng 2015 từ 200 tỷ lên 300 tỷ.
- Vấn đề quan trọng là sử dụng vốn có hiệu quả, đảm bảo cơ cấu nợ so với vốn chủ sở hữu một cách hợp lý, sử dụng đòn bẩy tài chính một cách có hiệu quả trong việc sử dụng vốn.

- *Chỉ đạo sát sao việc thu hồi công nợ:*

- Trực tiếp Chủ tịch HĐQT làm việc với Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty để đôn đốc thu hồi công nợ, đề ra các biện pháp thưởng phạt thích hợp nhằm thu hồi các khoản nợ trong thời gian sớm nhất. Yêu cầu các công trình nhanh chóng hoàn tất các hồ sơ quyết toán khối lượng nhằm đẩy nhanh hơn nữa việc thu hồi công nợ từ các chủ đầu tư, các ban quản lý dự án.

✦ **Mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015:**

Tiếp tục vượt qua khó khăn chung của nền kinh tế, nắm bắt thời cơ, sử dụng nội lực tối đa nhằm khi thác tốt thế mạnh vốn có của doanh nghiệp. Đẩy mạnh triển khai tốt các công trình đang thi công đúng tiến độ, thực hiện tốt công tác nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành, mở rộng lãnh vực đầu tư tạo nguồn doanh thu tăng trưởng ổn định, số liệu cụ thể như sau:

- Doanh thu 400 tỷ.
- Lợi nhuận sau thuế 5 tỷ.
- Cổ tức dự kiến 5%.
- Thu nhập bình quân: 8 triệu đồng/người/tháng.

✦ **Kế hoạch chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Tiếp tục phát huy tối đa kinh nghiệm và nguồn lực hiện có để đẩy mạnh phát triển hai lĩnh vực: Đầu tư xây dựng các dự án bất động sản và Xây lắp công trình.
- Xác định lĩnh vực xây dựng giao thông là thị trường đầy tiềm năng, phấn đấu đến năm 2020 Công ty chiếm lĩnh thị phần thị trường xây dựng công trình giao thông. Phấn đấu từ năm 2020 trở đi đủ sức cạnh tranh với các nhà thầu khác trong khu vực.

- Duy trì và phát huy đầy nhanh hơn nữa tốc độ tăng trưởng của Công ty, tối đa hóa lợi ích của khách hàng, của các cổ đông để tạo giá trị gia tăng chung cho Công ty và xã hội.

- Mục tiêu doanh thu 2015-2016 là 400-500 tỷ đồng, năm 2016-2020 là 500 tỷ đến 1.000 tỷ đồng

- Mục tiêu tăng trưởng của Công ty về doanh thu và lợi nhuận trong các năm từ 2015 – 2020 phấn đấu tăng bình quân là 20-30%.

6. Các rủi ro:

Mặc dù Công ty chủ động tìm kiếm các công trình trọng điểm và đảm bảo ổn định về nguồn vốn giải ngân ngay sau mỗi đợt nghiệm thu thanh toán, tuy nhiên tình hình chung của nền kinh tế cũng ít nhiều ảnh hưởng đến kế hoạch thi công và doanh thu của Công ty. Đó có thể là việc các nguồn cung cấp vật tư, vật liệu đầu vào có thể bị ảnh hưởng từ khó khăn của tất cả các doanh nghiệp, đặc biệt DN trong ngành xây dựng, bất động sản. Đó có thể là việc nguồn vốn vay ngắn hạn thi công công trình ảnh hưởng bởi các chính sách kiểm soát chặt tài chính từ các ngân hàng, định chế tài chính.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH (VNĐ)	THỰC TẾ (VNĐ)	GHI CHÚ
1	Doanh thu thuần.	200.000.000.000	347.502.708.436	
2	LN sau thuế	8.000.000.000	1.989.358.810	

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

DANH SÁCH HĐQT, BGD, BKS, KTT:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CP	TỶ LỆ (%) SỞ HỮU	TỶ LỆ (%) BIỂU QUYẾT
I. CHỦ TỊCH HĐQT & BAN GIÁM ĐỐC					
1	Bùi Đình Hưng	Chủ tịch HĐQT	2,199,000	14.66%	14.66%
2	Phạm Thành Trung	Tổng Giám đốc	0	0%	0%
3	Nguyễn Như Trục	Phó Tổng Giám đốc	150,000	1.00%	1.00%
4	Bùi Đình Hải	Phó Tổng Giám đốc	1,351,500	9.01%	9.01%
5	Vũ Thị Thứ	Thành viên HĐQT	2,806,100	18.71%	18.71%
6	Nguyễn Thị Hằng	Thành viên HĐQT	586,740	3.91%	3.91%
II. BAN KIỂM SOÁT					
1	Huỳnh Thị Thanh Phương	Trưởng Ban kiểm soát	30,000	0.20%	0.20%
2	Nguyễn Thị Bích Quyên	TV Ban kiểm soát	2,500	0.02%	0.02%
3	Đỗ Khắc Công	TV Ban kiểm soát	15,000	0.10%	0.10%
III. KẾ TOÁN TRƯỞNG					
1	Nguyễn Duy An	Kế toán trưởng	0	0.00%	0.00%

- Những thay đổi trong Ban điều hành: trong năm không có thay đổi trong Ban điều hành.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 280 người bao gồm cán bộ CNV chính thức và thời vụ tại các công trình.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các dự án tham gia đầu tư :

STT	DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	QUI MÔ	VỐN ĐÃ ĐẦU TƯ
1	Khu du lịch Lộc An Xanh	Xã Lộc An, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	24.7 ha	2.5 tỷ
2	Khu đô thị Kim Dinh	Phường Kim Dinh, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	79 ha	1.5 tỷ

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2013 (VNĐ)	Năm 2014 (VNĐ)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	391.212.323.067	459.856.386.961	118%
Doanh thu thuần	164.131.415.899	347.502.708.436	212%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.021.039.303	2.748.570.367	91%
Lợi nhuận khác	123.555.858	(277.594.176)	
Lợi nhuận trước thuế	3.144.595.161	2.470.976.191	75%
Lợi nhuận sau thuế	2.261.607.406	1.989.358.810	88%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.55	1.29	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
TSLĐ - Hàng tồn kho	0.23	0.17	
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	54%	61%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	116%	154%	

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	1	1	
<u>Giá vốn hàng bán</u>			
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	42%	76%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1%	1%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1%	1%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1%	1%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ SXKD/Doanh thu thuần	1%	1%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số CP : 15.000.000 CP
- Số CP đang lưu hành : 14.960.000 CP
- Số CP quỹ : 40.000 CP
- Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng: 0 CP

b) Cơ cấu cổ đông: Thông tin và cơ cấu về cổ đông năm 2014

❖ Thông tin về cổ đông sáng lập-HĐQT

STT	HỌ TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CP NĂM GIỮ	TỶ LỆ CP	LOẠI CP	CHỨC VỤ HIỆN TẠI TRONG CÔNG TY LƯƠNG TÀI
1	Bùi Đình Hưng	34 Hoa Đào, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM.	2,199,000	14.66%	1	Chủ tịch HĐQT
2	Bùi Đình Hải	482/10/28Y Nơ Trang Long, P. 13, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM	1,351,500	9.01%	1	Phó Tổng giám đốc
3	Vũ Thị Thứ	34 Hoa Đào, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM.	2,806,100	18.71%	1	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Như Trục	9/14 Đường 37, P.Thảo Điền, Quận 2 Tp. Hồ Chí Minh	150,000	1.00%	1	Phó Tổng giám đốc
5	Nguyễn Thị Hằng	67 Đường B Khu nhà ở Hiệp Bình, P. Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Tp.HCM.	586,740	3.91%	1	Thành viên HĐQT

❖ Thông tin về cổ đông lớn:

STT	HỌ TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CP NĂM GIỮ	TỶ LỆ CP	LOẠI CP	CHỨC VỤ HIỆN TẠI TRONG CÔNG TY LƯƠNG TÀI
1	Vũ Thị Thứ	34 Hoa Đào, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM.	2,806,100	18.71%	1	Thành viên HĐQT
2	Bùi Đình Hưng	34 Hoa Đào, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM.	2,199,000	14.66%	1	Chủ tịch HĐQT
3	Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á	56-58 Nguyễn Công Trứ, Quận I, TP.HCM	1,647,450	10.98%	1	
4	Bùi Đình Hải	482/10/28Y Nơ Trang Long, P. 13, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM	1,351,500	9.01%	1	Phó Tổng giám đốc
5	Bùi Đình Hiếu	34 Hoa Đào, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM.	1,016,500	6.78%	1	
6	Đào Ngọc Tuấn	357A/23F Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình, TpHCM	752,000	5.01%	1	

❖ Thông tin về cổ đông nước ngoài, cổ đông là tổ chức nhà nước, tổ chức khác:

STT	HỌ TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CP NĂM GIỮ	TỶ LỆ CP	LOẠI CP	CHỨC VỤ HIỆN TẠI TRONG CÔNG TY LƯƠNG TÀI
1	Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á	56-58 Nguyễn Công Trứ, Quận I, TP.HCM	1.647.450	11%	1	
2	Công ty Cổ phần Tài Việt	47/25A Đường số 61 P.14 Q.Gò Vấp HCM	100	0.001%		
3	Sato Mitsuo	4-3-11-404 Roppongi, Minato-ku, Tokyo, Japan	200	0.001%		
4	Wataru Miyazawa	6-5-5-603 chuourinkan Yamatoshi, Kanagawa-ken, Japan	200	0.001%		
5	Yanagita Ryo	73-1 Torigaoka Totsukaku Yokohama City	2.170	0.014%		
6	Yamazaki Atsushi	165 Ongi, Yotsukaido-shi, Chiba-ken, Japan	210	0.001%		
7	Yutaka Noda	993-5 Koyurugi Samukawamachi Kozagun Kanagawaken Japan	650	0.004%		
8	SBI SECURITIES CO.,LTD.	6-1 Roppongi 1-Chome, Minato-Ku, Tokyo, Japan	13.700	0.091%		

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không đổi
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:
 - Số lượng CP quỹ: 40.000 cp
 - Giao dịch CP quỹ: không có
- e) Các chứng khoán khác: không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.

(Tổng giám đốc Phạm Thành Trung)

Trong năm 2014, căn cứ chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, Ban Tổng giám đốc đã tiến hành triển khai thực hiện mục tiêu phương hướng hoạt động đã định. Mặc dù tình hình kinh tế trong năm chưa thật sự khởi sắc, nhưng cùng với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và toàn thể CBCNV, trong năm qua hoạt động sản xuất kinh doanh của LUTACO đã đạt được những kết quả như sau:

1. Báo cáo tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2014:

- Cơ cấu tài sản :

Tài sản dài hạn/tổng số tài sản	: 36 %
Tài sản ngắn hạn/tổng số tài sản	: 64%
- Cơ cấu nguồn vốn :

Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	: 61%
Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn	: 39%
- Khả năng sinh lời :

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	: 1%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	: 1%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/nguồn vốn chủ sở hữu	: 1%
- Khả năng thanh toán:

Khả năng thanh toán nhanh	: 0,2 lần
Khả năng thanh toán hiện hành	: 1,3 lần
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2014:
- Tổng tài sản : 459,9 tỷ đồng
 - * Tài sản ngắn hạn: 294,3 tỷ đồng
 - * Tài sản dài hạn: 165,6 tỷ đồng
- Tổng số trái phiếu thường lưu hành đến 31/12/2014: 0 trái phiếu;
- Tổng số cổ phiếu phổ thông lưu hành đến 31/12/2014: 14,960,000 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 40,000 cổ phiếu;
- Thu nhập trên mỗi cổ phần : 133 đồng/cổ phiếu.

2. Những chỉ số cơ bản :

2.1. Tài sản và vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	2012	2013	2014
Tổng tài sản	379.624.721.132	391.212.323.067	459.856.386.961
Vốn chủ sở hữu	181.693.703.837	181.403.260.825	180.981.854.175

2.2. Doanh thu và lợi nhuận

Chỉ tiêu	2012	2013	2014
Doanh thu	171.728.941.726	164.131.415.899	347.502.708.436
LN sau thuế	3.304.024.063	2.261.607.825	1.989.358.810

2.3. Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu tài chính

2.3.1. Hệ số nợ so với tài sản

Chỉ tiêu	2012	2013	2014
HS nợ/Tổng Tài sản	52%	54%	61%

2.3.2. Hệ số nợ so với vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	2012	2013	2014
HS nợ/Vốn chủ	109%	116%	154%

2.4. Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán

2.4.1. Hệ số thanh toán ngắn hạn

Chỉ tiêu	2012	2013	2014
HSTT ngắn hạn	1.6	1.6	1.3

2.4.2. Hệ số thanh toán nhanh

Chỉ tiêu	2012	2013	2014
HSTT nhanh	0.3	0.2	0.2

2.5. Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời

2.5.1 Hệ số lợi nhuận ròng

Chỉ tiêu	2012	2013	2014
HS LN ròng/D.Thu	2%	1%	1%

2.5.2 Tỷ suất sinh lời của tài sản – ROA

Chỉ tiêu	2012	2013	2014
ROA	1%	1%	0.9%

2.5.3 Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	2012	2013	2014
ROE	2%	1%	1%

2.6. Nhóm chỉ tiêu về chỉ số về cổ phiếu

2.6.1 Thu nhập trên mỗi cổ phần

Chỉ tiêu	2012	2013	2014
EPS	209	151	133

3. Một số giải pháp chủ yếu để tổ chức thực hiện kế hoạch 2015

Trong bối cảnh kinh tế năm 2015 được dự báo sẽ tiếp tục phục hồi mạnh mẽ, nhưng cũng có thể sẽ xuất hiện những tác động xấu từ bất ổn khu vực với nhiều khó khăn, thách thức, bản thân doanh nghiệp phải hết sức cố gắng vượt qua trở ngại, phát huy hết nội lực, tận dụng tối đa thời cơ.

Chính phủ sẽ tiếp tục có nhiều chính sách để ổn định kinh tế, chia sẻ khó khăn cùng doanh nghiệp, hỗ trợ và giúp doanh nghiệp vượt qua khó khăn, thách thức để phát triển trong tương lai.

Tiếp tục nâng cao công tác quản trị và duy trì tốt hơn nữa hệ thống quy trình kiểm soát nội bộ.

Thực hiện xuyên suốt chính sách của LUTACO là đào tạo và phát triển lực lượng cán bộ cơ hữu hiện có kết hợp với thu hút lực lượng cán bộ quản lý nhiều kinh nghiệm từ các công ty, tập đoàn lớn trong và ngoài nước.

Kết quả qua các năm đã cho thấy tính đúng đắn và hiệu quả của chính sách này khi mà LUTACO đã và đang tiếp tục khai thác và phát huy được những thế mạnh cũng như giá trị truyền thống của mình trong lĩnh vực truyền thống là xây dựng cầu đường cũng như mở rộng sang lĩnh vực bất động sản trong thời gian qua và sắp tới.

3.1 Tập trung nguồn lực giữ vững và mở rộng kinh doanh :

- Tăng cường năng lực thiết bị, công nghệ thi công, tích cực áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, nâng cao năng lực kinh doanh, năng lực cạnh tranh, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực để bảo đảm chất lượng, số lượng với trình độ học vấn, tay nghề, có năng lực quản lý, điều hành và ứng dụng công nghệ mới.

- Đầu tư một cách có hiệu quả vào lĩnh vực truyền thống là xây dựng cầu đường, cũng như các lĩnh vực khác là tài chính, bất động sản: đầu tư cao ốc VP, khu dân cư, khu nghỉ dưỡng cao cấp,...

- Hoàn thành các mục tiêu về tiến độ thi công các dự án đã trúng thầu và các dự án đầu tư.

- Tiếp tục triển khai một cách hiệu quả công tác tài chính, huy động vốn đầu tư dự án.

3.2 Những công tác cải tiến về chính sách, quản lý:

- Tiếp tục duy trì phương thức quản lý bằng cách phân định rõ trách nhiệm từng bộ phận, phòng ban, tránh chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.

- Phân cấp, phân quyền cũng như giao trách nhiệm cao hơn nữa cho các trưởng bộ phận để nâng cao tính chủ động và linh hoạt trong quản lý, tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm lao động và hiệu quả công việc của CBCNV.

- Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong tất cả các khâu sản xuất, kinh doanh và thực hiện các biện pháp quản lý các hoạt động của Công ty;

- Luôn luôn duy trì việc xây dựng và củng cố lực lượng nhân sự, cơ chế hoạt động, quy trình, chính sách chuẩn chuyên nghiệp, v.v. sẵn sàng cho giai đoạn phát triển mới.

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý và kiểm soát nội bộ theo đúng quy trình, quy

chế Công ty đã ban hành.

3.3 . Phát huy văn hóa và thương hiệu doanh nghiệp:

- Tiếp tục đề cao tinh thần đoàn kết, đồng thuận, tính kỷ luật, chủ động, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm cá nhân.

- Đưa các hoạt động của doanh nghiệp cũng như tác phong nhân viên ngày càng chuyên nghiệp hơn.

- Hợp tác, liên doanh với các doanh nghiệp cùng ngành nghề, đặc biệt là các Doanh nghiệp nước ngoài để tiếp thu khoa học quản lý, công nghệ thi công, phong cách làm việc, tư duy mới trong quản trị, điều hành doanh nghiệp.

3.4 Công tác nhân sự và đào tạo:

Công ty đảm bảo toàn bộ nhân viên Công ty được đào tạo để có đủ năng lực chuyên môn thực hiện tốt công việc được giao. Việc đào tạo và huấn luyện các kỹ năng chuyên môn cần thiết được thực hiện tại Công ty hoặc đào tạo các khóa học bên ngoài theo kế hoạch đào tạo của Công ty được lập từ đầu năm.

Tổng số CBCNV Công ty có 280 người, làm việc tại Văn phòng Công ty, các công trường; điều kiện làm việc được đảm bảo an toàn và ổn định; chế độ lương theo quy chế tiền lương của HĐQT Công ty phê chuẩn và Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, bảo hộ lao động ... theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Công tác tuyển dụng: Với phương châm con người là yếu tố quyết định thành công của Công ty, đầu tư con người là đầu tư cho sự phát triển bền vững.

+ Nâng cấp Quy trình tuyển dụng đảm bảo lựa chọn được những nhân tài có năng lực cao cho Công ty. Hằng năm, tùy thuộc vào yêu cầu phát triển, công ty luôn chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ từ tổng thể đến chi tiết.

+ Công ty chủ trương khuyến khích, hỗ trợ cán bộ nhân viên có nhu cầu, có năng lực đi học các lớp nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt kiến thức về quản trị kinh doanh, quản lý dự án tại các trường trong nước cũng như các khóa học ngắn hạn ở nước ngoài.

- Chính sách nuôi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực: Công ty cũng tập trung nhiều vào chính sách phúc lợi, điều chỉnh qui chế trả lương, thưởng theo hướng thu nhập của người lao động gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh, trên nguyên tắc công bằng, thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ cơ sở, thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động trong Công ty. Thực hiện việc khen thưởng nhằm tôn vinh những cá nhân có nhiều cống hiến, cam kết làm việc lâu dài và là những Cán bộ quản lý tiềm năng của Công ty, được chú trọng đào tạo phát triển để xem xét vào vị trí quản lý chủ chốt của Công ty.

- Tiếp tục nâng cao thu nhập cho người lao động tương xứng với hiệu quả sản xuất kinh doanh. Thu nhập phải đảm bảo người lao động và gia đình họ yên tâm công tác vì sự nghiệp phát triển chung, thu hút được nhân tài, đánh giá công bằng, khuyến khích cá nhân có năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong công việc.

3.5 Công tác Tài chính kế toán:

- Tiếp tục duy trì các mối quan hệ tốt với các đối tác chiến lược, các Ngân hàng, Tập đoàn Tài chính, Quỹ đầu tư... để nhận nguồn vốn, đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ đầu tư cho các dự án của Công ty.

- Xây dựng các biện pháp quản lý tốt và sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong quá trình đầu tư, thực hiện các dự án.

- Tham gia góp vốn một cách hiệu quả vào các công ty liên doanh – liên kết có hoạt động hỗ trợ cho các định hướng chính của LUTACO để tăng hiệu quả đầu tư và quay vòng vốn. Có các bước đi thích hợp để nâng cao hiệu quả công tác thu hút vốn đầu tư từ thị trường chứng khoán để nâng vốn điều lệ, mở rộng qui mô hoạt động kinh doanh.

3.6 Công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật:

Chính quyền cùng với công đoàn đã phát động phong trào thi đua trong các bộ phận sản xuất và toàn Công ty. Qua các phong trào thi đua có sơ kết, tổng kết đề động viên, khen thưởng kịp thời các đơn vị cá nhân xuất sắc. Ngoài ra công ty thưởng các ngày lễ lớn 30/4, 1/5, 2/9 và dịp cuối năm (lương tháng 13; thưởng theo danh hiệu thi đua; thưởng hoàn thành vượt mức kế hoạch,...). Bên cạnh đó còn có các chế độ đãi ngộ khác như: nghỉ mát, du lịch, khám chữa bệnh...

3.7 Công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng an toàn lao động:

- Ban hành và giám sát thường xuyên việc thực hiện nội quy về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, thường xuyên kiểm tra đánh giá công tác an toàn lao động tại các công trường. Công ty đã thành lập Hội đồng bảo hộ lao động để tổ chức thực hiện hệ thống bảo hộ lao động.

- Thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của Nhà nước về lập, thẩm định và trình duyệt thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán các hạng mục công trình, chất lượng công trình luôn được đảm bảo. Công tác an toàn vệ sinh lao động được đảm bảo, tổ chức tập huấn và cấp chứng chỉ ATLĐ cho người lao động. Cấp phát kịp thời các trang bị bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất, thành lập đoàn kiểm tra và thường xuyên kiểm tra tại công trình.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Những thách thức của kinh tế Việt Nam năm 2015 và cơ hội cho doanh nghiệp

Dự báo về kinh tế thế giới năm 2015 sẽ tiếp tục phục hồi, tuy vẫn ở mức chậm và có thể diễn biến nhiều rủi ro tiềm ẩn do những bất ổn về tình hình địa chính trị tại các khu vực trên thế giới.

Với kinh tế Việt Nam, chính phủ tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp duy trì sự hồi phục bằng những chính sách vĩ mô phù hợp từng thời kỳ, từng giai đoạn. Chính phủ đã yêu cầu nhanh chóng phát triển mạng đường cao tốc. Dự kiến đến năm 2020 sẽ cơ bản hoàn thành hệ thống đường cao tốc Bắc - Nam.

Tính đến hết năm 2015, cả nước sẽ hoàn thành 700km đường cao tốc, đang thi công 457km, chuẩn bị khởi công triển khai 120km và đã có nhà đầu tư quan tâm 508km, tổng cộng là 1.785km đường cao tốc.

Theo đại diện Bộ Giao thông vận tải, tổng nhu cầu nguồn vốn (không tính các dự án hoàn thành năm 2015) để thực hiện đầu tư đường cao tốc theo phương án tăng trưởng cao là 394.583 tỷ đồng, trong đó vốn do Nhà đầu tư huy động là 213.321 tỷ đồng, phần còn lại do Nhà nước tham gia đầu tư.

Chính phủ cũng sẽ ban hành cơ chế chính sách đầu tư các tuyến đường cao tốc trên bằng cách huy động mọi nguồn lực trong, ngoài nước và từ các thành phần kinh tế. Theo đó, áp dụng nhiều hình thức đầu tư như BOT (đầu tư, kinh doanh, chuyển giao), BTO (đầu tư, chuyển giao và khai thác), BT (đầu tư, chuyển giao) và PPP (phối hợp đầu tư giữa Nhà nước và tư nhân).

Chính phủ khẳng định các chính sách hỗ trợ tài chính, thuế, phí, lệ phí nhượng quyền, đồng thời tiếp tục đầu tư một số công trình quan trọng cấp bách bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ.

Thực tế, việc triển khai thi công ở những dự án sử dụng vốn vay ODA thuận lợi hơn so với dự án sử dụng vốn ngân sách. Thế nhưng nhiều dự án ODA cũng không suôn sẻ khi vốn đối ứng của ngân sách cấp chậm cho công tác đền bù, giải tỏa.

Do đó, các cơ quan chức năng đang tính đến phương án sử dụng ODA thực hiện 2/3 đường cao tốc, còn lại 1/3 đường cao tốc giao cho nhà đầu tư BOT và cho phép nhà đầu tư này được thu phí toàn bộ tuyến đường cao tốc để hoàn vốn cho dự án.

Trên đây là bức tranh tổng thể về hệ thống đường bộ và cao tốc Việt Nam đến 2020, tầm nhìn 2030 và cũng là những cơ hội thực sự cho Công ty Lương Tài chúng ta chuẩn bị để tiếp nhận và cùng phát triển.

Các dự án đầu tư công từ chính phủ, các dự án cơ sở hạ tầng lớn sẽ được tiếp vốn để đẩy nhanh tiến độ, tạo mặt bằng xã hội ổn định để tiếp tục thu hút vốn từ nước ngoài. Vì thế các doanh nghiệp tiếp cận được các dự án này sẽ tiếp tục có nguồn tài chính ổn định để phát triển, trong đó có Công ty Lương Tài với thế mạnh là đã và đang thi công các công trình cầu đường trọng điểm của cả nước.

Với quyết tâm đặt chữ “tín” lên hàng đầu, tạo dựng uy tín với các đối tác các nhà cung cấp vật tư, ngoài ra công ty cũng tiếp tục nhận được hỗ trợ tích cực từ các ngân hàng thương mại đặc biệt là Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam – CN Nam Sài Gòn, chính các yếu tố này đã góp phần rất lớn cho công ty trong việc tận dụng được hầu hết các cơ hội kinh doanh giúp cho Công ty trở thành một trong số rất ít doanh nghiệp xây dựng cơ bản vượt qua được giai đoạn khó khăn, phục hồi nhanh chóng và có được lợi nhuận khả quan năm qua và sẽ tiếp tục phát triển hơn nữa trong những năm tới.

2. Những nét nổi bật trong kết quả hoạt động 2014

2.1. Doanh thu và lợi nhuận

Tổng Doanh thu năm 2014 đạt gần 348 tỷ đồng, vượt 74% kế hoạch doanh thu đề ra, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế vẫn chưa cao là do các nguyên nhân sau:

- Trong thời gian qua, giá nguyên vật liệu đầu vào liên tục biến động làm giá vốn tăng tương ứng, việc đầu tư ban đầu để triển khai thi công các gói thầu mới cùng với chi phí hoàn thiện các gói thầu hiện tại là kết quả là lợi nhuận gộp năm 2014 đã không tăng cao so với mức tăng DT như trên.

Các kết quả tài chính chủ yếu năm 2014 :

Khoản mục	ĐVT	2012	2013	2014
Doanh thu thuần	Tr. Đồng	171.728	164.131	347.502
Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	3.304	2.262	1.989
Thu nhập/cổ phần	Đồng	209	151	133

2.2. Thực hiện nghĩa vụ Ngân sách Nhà nước

Trong năm 2014, tiếp tục thực hiện tốt chính sách nộp thuế cho Nhà nước, số thuế phải nộp vào Ngân sách Nhà nước hơn 3 tỷ đồng. Số thuế TNDN tính riêng năm 2014 là gần 2 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 đảm bảo chi trả cổ tức và trích lập các quỹ theo quy định.

Công ty Lương Tài vừa qua cũng đã được Thuế Phú Nhuận, Tp HCM tặng Bằng khen vì đơn vị đã có đóng góp và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế đối với ngân sách NN.

2.3. Kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2014

Trong năm 2014, do khó khăn về nguồn vốn công ty chưa thực hiện việc chia cổ tức theo nghị quyết của đại hội cổ đông năm 2014 và sẽ thực hiện trong năm tài chính 2015-2016.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc dự kiến phương án phân chia cổ tức 95% lợi nhuận sau thuế tương đương khoảng 126 đồng/CP (1.26 %) của riêng năm 2014. Phần còn lại 5% lợi nhuận sau thuế công ty dự kiến sẽ phân bổ vào các quỹ : bao gồm quỹ dự phòng tài chính, và quỹ khen thưởng phúc lợi.

Dự kiến thời gian thực hiện chia cổ tức là trong năm 2015.

2.4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2014 của HĐQT :

Trong năm 2014 HĐQT và Ban kiểm soát công ty đã tiến hành tổ chức các cuộc họp thường kỳ để đánh giá tình hình kinh tế chung của cả nước và đưa ra những quyết định kịp thời phù hợp với từng thời điểm, HĐQT đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình theo điều 25 điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, những công việc chủ yếu thực hiện:

- Triển khai việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên đến ban điều hành và các bộ phận Công ty.
- Chỉ đạo giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ: nhìn chung trong năm qua đa số các cán bộ quản lý điều hành công ty thực hiện nhiệm vụ một cách năng động sáng tạo, dám nghĩ dám làm và dám chịu trách nhiệm. Công tác quản lý điều hành tốt thực hiện tốt hoạch mục tiêu đề ra của năm.
- Trực tiếp khảo sát thực tế và đưa ra những nhận định, quyết định những vấn đề liên quan đến việc thành lập và tham gia các hoạt động đầu tư của công ty.
- Cùng với các kiểm toán viên của đơn vị kiểm toán độc lập xem xét tính hợp lý, hợp lệ và các vấn đề khác của báo cáo tài chính năm qua, các báo cáo công bố đã được kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Những thay đổi chủ yếu trong năm 2014:

Trong năm qua, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lương Tài đã triển khai thực thi các công việc đã được Đại hội cổ đông thông qua trong nghị quyết của Đại hội cổ đông:

- Thực hiện cho thuê tòa nhà LUTACO tại địa chỉ 173A Nguyễn Văn Trỗi, phường 11, Q. Phú Nhuận, TP.HCM. Tòa nhà hiện đã được sử dụng và cho thuê hết 100% diện tích, góp phần tạo nguồn thu cho công ty và tăng hiệu quả sử dụng vốn.

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán và bất động sản có nhiều biến động. Hội đồng quản trị đã có những quyết định sàng lọc và sắp xếp lại danh mục và các dự án đầu tư, cụ thể như sau:

- Tiếp tục đẩy nhanh Dự án khu du lịch Lộc An Xanh trên diện tích 24,7 ha tại xã Lộc An, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư và đang triển khai việc đền bù giải tỏa.

- Dự án khu đô thị mới Kim Dinh tại Thị xã Bà Rịa – Vũng Tàu trên diện tích 79 ha hiện đang trong giai đoạn hoàn thiện thủ tục đúng quy định.

- Tiếp tục ứng dụng và triển khai hệ thống quản lý ISO phiên bản 9001:2008, tạo ra công cụ quản lý mạnh hơn hiệu quả hơn trong việc quản trị công ty, nhằm giảm thiểu các sai sót trong quá trình triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh tiết kiệm chi phí, tăng năng suất lao động, kiểm soát chặt chẽ hơn về các vấn đề an toàn, vệ sinh, môi trường.

3. Kết luận

Năm 2014 đã trôi qua với nhiều kết quả thực hiện được cũng như còn một số vấn đề còn tồn tại chưa giải quyết được. Theo kế hoạch, trong năm 2015, Công ty sẽ tập trung đẩy mạnh công tác phát triển dự án mới, kết hợp khai thác hiệu quả hơn nguồn lực hiện tại, đồng thời rà soát, lập kế hoạch triển khai các dự án, công trình đang thực hiện của các đơn vị. Công ty tăng cường chỉ đạo, điều hành, đảm bảo tiến độ, chất lượng từng dự án, công trình, tập trung đối với các dự án, các công trình trọng điểm trong kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của Trung ương và địa phương; các công trình, dự án lớn mang tính quyết định đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

Tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng nhất đến sự đóng góp năng động và lao động sáng tạo của toàn thể cán bộ công nhân viên, các anh chị đã đồng hành, gắn bó cùng với sự thành công và phát triển của thương hiệu LUTACO, cảm ơn lãnh đạo các cấp, các ngành, địa phương trong cả nước đặc biệt là sự quan tâm giúp đỡ của các Chủ đầu tư, các Nhà thầu thi công, các đối tác liên danh, liên kết để LUTACO gặt hái được những thành quả trong năm qua.

Chúng tôi hy vọng rằng sẽ hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra, nâng thương hiệu LUTACO lên tầm cao mới, đảm bảo và gia tăng lợi ích lâu dài của Quý cổ đông.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ TRONG HĐQT	SỐ LƯỢNG CP NĂM GIỮ	CHỨC VỤ HIỆN TẠI TRONG CÔNG TY LƯƠNG TÀI	TỈ LỆ NĂM GIỮ CP
1	Bùi Đình Hưng	Chủ tịch HĐQT	2,199,000	Chủ tịch HĐQT	14.66%
2	Bùi Đình Hải	Thành viên HĐQT	1,351,500	Phó Tổng giám đốc	9.01%
3	Vũ Thị Thứ	Thành viên HĐQT	2,806,100	Thành viên HĐQT	18.71%
4	Nguyễn Như Trực	Thành viên HĐQT	150,000	Phó Tổng giám đốc	1.00%
5	Nguyễn Thị Hằng	Thành viên HĐQT (độc lập)	586,740	Thành viên HĐQT (độc lập)	3.91%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chính
1	01/NQ-HĐQT/2014	14/1/2014	Hội đồng quản trị thông qua hạn mức tín dụng năm 2014.

2	02/NQ-HĐQT/2014	10/3/2014	Kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2014
3	03/NQ-HĐQT/2014	07/4/2014	Kiểm điểm lại tình hình thi công các công trường trong Quý 1/2014.
4	05/NQ-HĐQT/2014	25/4/2014	Triển khai kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ thông qua.
5	06/NQ-HĐQT/2014	30/6/2014	HĐQT kiểm tra tình hình thi công, sản lượng đạt được của các công trình trong 6 tháng đầu năm.
6	40/NQ-HĐQT/2014	29/9/2014	Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh Quý 3/2014, thảo luận, đưa ra phương án thực hiện chiến lược vào Quý 4/2014.
7	42/NQ-HĐQT/2014	20/10/2014	Triển khai kế hoạch thực hiện các công trình mới trong Quý 4/2014.
8	45/NQ-HĐQT/2014	04/11/2014	Tổng kiểm điểm tình hình thi công, sản lượng các công trình đến cuối tháng 10/2014
9	47/NQ-HĐQT/2014	30/12/2014	Tổng kết, kiểm điểm tình hình sản xuất, kinh doanh năm 2014

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập: Bà Nguyễn Thị Hằng hoạt động rất tích cực thông qua việc tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của Công ty, các cuộc họp của HĐQT và thường xuyên có những ý kiến đóng góp, kiến nghị cho hoạt động của Công ty.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ TRONG BAN KIỂM SOÁT	SỐ LƯỢNG CP NĂM GIỮ	CHỨC VỤ HIỆN TẠI TRONG CTY LƯƠNG TÀI	TỈ LỆ NĂM GIỮ CP
1	Huỳnh Thị Thanh Phương	Trưởng ban kiểm soát	30,000	Kiểm soát nội bộ	0.20%
2	Đỗ Khắc Công	Thành viên ban kiểm soát	15,000	TP. Vật tư - Thiết bị	0.10%
3	Nguyễn Thị Bích Quyên	Thành viên ban kiểm soát	2,500	TP. Tổ chức hành chính	0.02%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Tình hình tài chính năm 2014 của công ty đã được thể hiện đầy đủ, rõ ràng trong báo cáo tài chính và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam kiểm toán. Cụ thể trong năm 2014 Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã triển khai và thực hiện được như sau:

- Doanh thu năm 2014 là 347.502.708.436 đồng, vượt 74% so với kế hoạch,
- Lợi nhuận sau thuế là 1.989.358.810 đồng, chỉ đạt 25% so với kế hoạch đề ra.
 - Trong thời gian qua, giá nguyên vật liệu đầu vào liên tục biến động làm giá vốn bị tác động, ngoài ra việc đầu tư chi phí ban đầu triển khai các dự án thi công mới cùng với việc phát sinh các chi phí hoàn tất, quyết toán công trình hiện tại đã làm lợi nhuận sau thuế năm nay không tăng cao như mức tăng doanh thu đã đạt được.
 - Giá cả leo thang năm 2014 cũng làm chi phí quản lý đầu vào tăng hơn so với năm 2013 mặc dù Ban giám đốc và toàn thể nhân viên đã thực hiện chính sách tiết giảm chi phí tối đa,

c) Nhận xét và kiến nghị của Ban kiểm soát:

- **Nhận xét:**

Qua xem xét một số báo cáo và tình hình thực tế tại công ty, Ban kiểm soát nhận xét một số vấn đề sau:

- Các hoạt động của công ty trong năm 2014 đều tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành, điều lệ của công ty và nằm trong phạm vi ngành nghề đã đăng ký kinh doanh.
- Lợi nhuận năm 2014 không đạt được như mức tăng doanh thu là do việc thanh khoản của chủ đầu tư chậm nên công ty phải vay vốn ngân hàng vì vậy chi phí lãi vay tăng so với năm trước và chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao so với dự toán.
- Về lĩnh vực cho thuê văn phòng: hiện nay công ty đã cho thuê hết các tầng trong tòa nhà tạo nguồn thu ổn định cho công ty.
- Về lĩnh vực xây dựng: công ty đã hoàn tất việc thi công và đang tiến hành quyết toán các công trình như công trình xây dựng cầu và đường nối từ Quốc lộ 51 đến cảng Cái Mép, cải tạo kênh Tân Hóa – Lò Gốm, cao tốc Hà Nội Lào Cai. Đồng thời, đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình như đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, mở rộng Quốc lộ 1, cao tốc Đà Nẵng Quảng Ngãi gói A1.

- **Kiến nghị:**

- Ban giám đốc kiểm soát chặt chẽ các điều khoản của hợp đồng nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất những rủi ro và bất lợi cho công ty.
- Đề nghị ban điều hành đẩy nhanh công tác quyết toán các công trình đã hoàn thành, thu hồi công nợ để giảm chi phí lãi vay.
- Tiếp tục tìm kiếm và đấu thầu các dự án để tăng doanh thu.

d) Phương hướng hoạt động năm 2015 của Ban kiểm soát

- Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại điều lệ công ty và luật pháp nhà nước, năm 2015 Ban kiểm soát sẽ tiến hành:

- Triển khai công tác kiểm tra, giám sát định kỳ theo điều lệ hoặc đột xuất nếu cần thiết.
- Theo dõi các quy trình, quy chế kiểm soát nội bộ của các phòng ban trong công ty.
- Xem xét các báo cáo tài chính quý và năm của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Trong năm 2014, HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát chưa nhận thù lao.

- Tổng quỹ lương của HĐQT (tham gia điều hành): 294.000.000 đồng
- Tổng quỹ lương của Tổng giám đốc, Kế toán trưởng: 168.000.000 đồng
- Tổng quỹ lương của Ban Kiểm soát: 216.000.000 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Bùi Đình Hưng	Cổ đông nội bộ	1,869,000	12.46 %	2,199,000	14.66 %	Đầu tư (giao dịch ngày 18/12/2014)

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về công tác quản trị và quản lý công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Số...267... BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : - **Cổ đông Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài**

- **Hội Đồng Quản Trị**

- **Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài, được lập ngày 23 tháng 03 năm 2015 từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp Hồ Chí Minh, Ngày 30 tháng 03 năm 2015

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế
toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

(Đã ký)

(Đã ký)

Đỗ Khắc Thanh

Lê Kim Ngọc

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0064-2013-142-1

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0181-2013-142-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Thông tin pháp lý

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302879813 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 02 năm 2003. Đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 11 tháng 8 năm 2011.

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng công trình dân dụng-công nghiệp-giao thông-thủy lợi-thủy điện-cấp thoát nước. San lấp mặt bằng. Kinh doanh, xây dựng hạ tầng khu công nghiệp. Trang trí nội ngoại thất. Mua bán vật liệu xây dựng. Kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản. Cho thuê nhà ở, văn phòng, đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy hoạch xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở). Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế công trình xây dựng giao thông (cầu, đường). Thiết kế công trình giao thông (cầu, đường bộ). Quản lý dự án đầu tư. Tư vấn đấu thầu. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở). Cho thuê máy móc thiết bị thi công. Đại lý kinh doanh xăng dầu.

Trụ sở của công ty đặt tại: **173A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM**

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: **150.000.000.000 VNĐ** (Một trăm năm mươi tỷ đồng).

Kết quả hoạt động

- Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 là 1.989.358.810 VND (Năm 2013 lợi nhuận sau thuế là 2.261.607.406 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

<i>Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:</i>	<i>Ngày từ nhiệm</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Bùi Đình Hưng	Chủ tịch	
Ông Bùi Đình Hải	Phó Chủ tịch	
Bà Vũ Thị Thứ	Thành viên	

Bà Nguyễn Thị Hằng
Ông Nguyễn Như Trục

Thành viên
Thành viên

19/04/2014

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Phạm Thành Trung	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Như Trục	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đình Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy An	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Huỳnh Thị Thanh Phương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Bích Quyên	Thành viên
Ông Đỗ Khắc Công	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được Ban Tổng Giám đốc chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Công bố trách nhiệm của ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích trong các báo cáo tài chính này;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

TP. HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2015

TP. HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2015

TM. Hội đồng quản trị

TM. Ban Tổng Giám Đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

Bùi Đình Hưng

Phạm Thành Trung

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh V.	Số cuối năm	Số đầu năm
	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		294,256,108,001	269,366,019,734
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4,449,552,892	1,129,654,421
1. Tiền	111	1	4,449,552,892	1,129,654,421
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			3,943,611,166
1. Đầu tư ngắn hạn	121			3,943,611,166
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		195,104,931,363	129,077,058,053
1. Phải thu khách hàng	131	2	38,632,241,827	19,857,622,298
2. Trả trước cho người bán	132	3	17,387,547,245	31,395,069,210
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	4	139,085,142,291	77,824,366,545
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	
IV. Hàng tồn kho	140		82,437,200,761	122,519,778,799
1. Hàng tồn kho	141	5	82,437,200,761	122,519,778,799
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12,264,422,985	12,695,917,295
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	6	116,984,097	3,503,670,585
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	7	753,054,079	684,568,921
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	11,394,384,809	8,507,677,789
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		165,600,278,960	121,846,303,333
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220	9	157,683,444,512	118,917,923,307
1. TCSĐ hữu hình	221		111,627,124,115	92,250,838,901
- Nguyên giá	222		144,955,100,274	118,337,036,279

- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33,327,976,159)	(26,086,197,378)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227		24,187,088,000	24,187,088,000
- Nguyên giá	228		24,187,088,000	24,187,088,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	21,869,232,397	2,479,996,406
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2,625,000,000	2,625,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	2,625,000,000	2,625,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		5,291,834,448	303,380,026
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	48,849,992	146,249,992
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	219,127,415	157,130,034
3. Tài sản dài hạn khác	268	14	5,023,857,041	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		<u>459,856,386,961</u>	<u>391,212,323,067</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh V.	Số cuối năm	Số đầu năm
	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		278,874,532,786	209,809,062,242
I. Nợ ngắn hạn	310		228,755,343,921	173,743,156,506
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	115,287,942,491	56,692,388,575
2. Phải trả người bán	312	16	73,138,248,186	59,046,232,117
3. Người mua trả tiền trước	313	17	18,849,189,091	40,252,729,779
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	474,700,238	1,299,535,402
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316	19	777,943,517	3,678,387,274

7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	18,352,496,744	12,664,776,240
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	21	1,874,823,654	109,107,119
II. Nợ dài hạn	330		50,119,188,865	36,065,905,736
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	22	1,290,387,775	1,307,448,326
4. Vay và nợ dài hạn	334	23	48,828,801,090	34,758,457,410
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		180,981,854,175	181,403,260,825
I. Vốn chủ sở hữu	410		180,981,854,175	181,403,260,825
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	24	150,000,000,000	150,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	25	20,521,159,818	20,521,159,818
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414	26	(568,522,890)	(568,522,890)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	27		2,277,320,563
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	28	40,046,667	40,411,195
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	29	10,989,170,580	9,132,892,139
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		<u>459,856,386,961</u>	<u>391,212,323,067</u>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh V.	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại	1.2		
- USD		13,550.97	7,288.73
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ngày 23 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu
(Đã ký)
Nguyễn Thị Mỹ Linh

Kế toán trưởng
(Đã ký)
Nguyễn Duy An

Tổng Giám đốc
(Đã ký)
Phạm Thành Trung

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh V.	Năm 2014	Năm 2013
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	347,502,708,436	164,131,415,899
2. Các khoản giảm trừ	03			
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10		347,502,708,436	164,131,415,899
4. Giá vốn hàng bán	11	31	316,523,742,170	144,456,993,114
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		30,978,966,266	19,674,422,785
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	246,107,480	1,391,798,439
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	33	17,600,118,281	12,034,299,551
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17,600,118,281	12,034,299,551
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	34	10,876,385,098	6,010,882,370
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		2,748,570,367	3,021,039,303
11. Thu nhập khác	31	35	563,158,979	622,459,335
12. Chi phí khác	32	36	840,753,155	498,903,477
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(277,594,176)	123,555,858
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2,470,976,191	3,144,595,161
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	543,614,762	1,040,117,789
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	38	(61,997,381)	(157,130,034)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51-52)	60	39	1,989,358,810	2,261,607,406
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40	133	151

Ngày 23 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Linh

(Đã ký)

Nguyễn Duy An

(Đã ký)

Phạm Thành Trung

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu 1	Mã số 2	Năm 2014 3	Năm 2013 4
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
1. Tiền thu từ bán hàng , CCDV và DT khác	01	413,107,747,601	216,676,864,090
2. Tiền chi trả cho người CC hàng hóa , DV	02	(326,471,105,177)	(177,281,989,650)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3,955,328,068)	(2,665,908,173)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(16,822,174,764)	(12,034,299,551)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	1,368,449,926)	(4,266,796,974)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	14,774,734,683	28,293,092,265
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(124,715,132,364)	(49,864,508,691)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	(45,449,708,015)	(1,143,546,684)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(28,211,464,302)	(21,316,106,600)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	125,454,545	454,545,455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(8,465,000,000)	(3,365,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	12,408,611,166	3,824,785,242
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	12,100,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	246,107,481	202,308,723
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(23,896,291,110)	(8,099,467,180)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu , nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-

2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu , mua lại cổ phiếu của các DN đã phát hành	32	-	
3. Tiền vay ngắn hạn , dài hạn nhận được	33	227,662,130,030	78,520,388,575
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(154,996,232,434)	(82,091,242,396)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức , lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	72,665,897,596	(3,570,853,821)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	3,319,898,471	(12,813,867,685)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1,129,654,421	13,943,522,106
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	<u>4,449,552,892</u>	<u>1,129,654,421</u>

Ngày 23 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Linh

Nguyễn Duy An

Phạm Thành Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302879813 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 02 năm 2003. Đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 11 tháng 8 năm 2011.

Trụ sở của công ty đặt tại: 173A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 150.000.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi tỷ đồng).

2. Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng công trình dân dụng-công nghiệp-giao thông-thủy lợi-thủy điện-cấp thoát nước. San lấp mặt bằng. Kinh doanh, xây dựng hạ tầng khu công nghiệp. Trang trí nội ngoại thất. Mua bán vật liệu xây dựng. Kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản. Cho thuê nhà ở, văn phòng, đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy hoạch xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở). Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế công trình xây dựng giao thông (cầu, đường). Thiết kế công trình giao thông (cầu, đường bộ). Quản lý dự án đầu tư. Tư vấn đấu thầu. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở). Cho thuê máy móc thiết bị thi công. Đại lý kinh doanh xăng dầu.

3. Tổng số nhân viên : 280 người.

Trong đó: - Nhân viên văn phòng: 60 người.

- Công nhân công trình: 220 người.

4. Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình kinh doanh trong năm

Không có ảnh hưởng quan trọng đến tình hình kinh doanh trong năm

II. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết Định số 15/2006 – QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài là Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển):

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:

Giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng đối với từng loại nguyên vật liệu, vật tư, thành phẩm tồn kho.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Trong năm, Công ty không lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận:

Số dư các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là tài sản ngắn hạn nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là tài sản dài hạn nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Tại thời điểm lập báo cáo cuối kỳ, Công ty không trích dự phòng các khoản phải thu khó đòi

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

5. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

5.1.1. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trễ khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

5.1.2. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác

5.1.2.1. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hóa vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

5.1.2.2. Chi phí khác

Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hóa vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

5.1.3. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

6. Kế toán các khoản đầu tư tài chính

6.1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngòai lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

6.1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo được phân loại và ghi nhận trên báo cáo tài chính như sau:

- Là khoản “ tương đương tiền” nếu có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.
- Là một tài sản đầu tư ngắn hạn nếu có thời gian thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh.

- Là một tài sản đầu tư dài hạn nếu có thời gian thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh.

6.1.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo được phân loại và ghi nhận trên báo cáo tài chính như sau:

- Là khoản “ tương đương tiền ” nếu có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

- Là một tài sản đầu tư ngắn hạn nếu có thời gian thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh.

- Là một tài sản đầu tư dài hạn nếu có thời gian thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh.

6.1.4. Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, và các khoản vay tại thời điểm báo cáo, được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh.

- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh.

Số dư của các tài sản thừa chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Số dư của thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

8. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh.

9. Ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn và các chi phí dịch vụ khác phân bổ trong thời gian sử dụng

10. Kế toán các hoạt động liên doanh

Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh dưới hình thức:

- Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài góp vốn vào Công ty Cổ Phần Xây Dựng Địa Ốc Lương Tài là 2.625.000.000đ.

11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Theo quy chế tài chính của công ty

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định Doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng. Trong những trường hợp cụ thể, doanh thu còn được ghi nhận theo tỷ lệ phần trăm hợp đồng đã được hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối Kế toán được Chủ đầu tư xác nhận.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay hoặc đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

15. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

Đối với các khoản nợ phải thu dài hạn bằng ngoại tệ, công ty phải đánh giá lại số dư cuối năm của các loại ngoại tệ, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được xử lý như sau:

- Trường hợp chênh lệch tăng được hạch toán vào thu nhập tài chính trong năm.
- Trường hợp chênh lệch giảm được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Đối với các khoản nợ phải trả dài hạn bằng ngoại tệ, công ty phải đánh giá lại số dư cuối năm của các loại ngoại tệ, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được xử lý như sau:

- Trường hợp chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái thì chênh lệch tỷ giá hạch toán vào chi phí tài chính trong năm và được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ thì có thể phân bổ 1 phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.
- Trường hợp chênh lệch giảm được hạch toán vào thu nhập tài chính.

16. Công cụ tài chính:

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua tiền, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu. tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Xem trong thuyết minh báo cáo tài chính.

Nợ phải trả tài chính: Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh báo cáo tài chính, thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận. Tất cả khoản nợ tài chính được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan. Nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác và các khoản vay ngắn hạn và dài hạn. Xem trong thuyết minh báo cáo tài chính

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2014 Ngoại tệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<u>1. Tiền</u>	<u>USD 13,550.97</u>	<u>4,449,552,892</u>	<u>1,129,654,421</u>
<u>1.1. Tiền mặt tại quỹ (TK 111)</u>		<u>1,002,511,894</u>	<u>452,507,998</u>
Tiền VND		1,002,511,894	452,507,998
<u>1.2. Tiền gửi ngân hàng (TK 112)</u>	<u>USD 13,550.97</u>	<u>3,447,040,998</u>	<u>677,146,423</u>
<u>Tiền VND</u>		<u>3,161,442,752</u>	<u>523,732,253</u>
Trong đó:			
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Phòng giao dịch số 3)		1,000,000	1,000,000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Hà Nam)		907,508	1,833,653
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam-SGD2		54,333	
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Nam Sài Gòn) - TK 12176		1,491,773,234	473,220,417
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Yên Bái)		11,173,316	1,703,480
- Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - CN Vũng Tàu		234,127,230	1,943,684
- Công ty TNHH MTV CK Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín		370,998	898,998
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt		41,561,948	16,070,177
- Ngân hàng TMCP Đông Á		1,380,474,185	27,061,844
<u>Tiền USD</u>	<u>USD 13,550.97</u>	<u>285,598,246</u>	<u>153,682,872</u>
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (Chi nhánh Nam Sài Gòn)	USD 13,550.97	285,598,246	153,682,872
 <u>Các khoản phải thu ngắn hạn</u>			
<u>2. Phải thu khách hàng (TK 131)</u>		<u>38,632,241,827</u>	<u>19,857,622,298</u>
Trong đó:			
- Ban quản lý dự án Đường Cao Tốc Nội Bài Lào Cai		113,497,236	5,467,605,337
- BQL ĐT XD CT Nâng Cấp đô Thị Thành Phố		8,611,823,486	
- Công ty CP Bê tông Biên Hòa		1,672,500,000	
- Tổng Công ty XDCT Giao thông 6 (Công ty Cổ phần)		18,384,835,327	10,301,312,872
- Công ty Keangnam enterprises.,Ltd		4,800,838,628	
- Công ty Posco E & C, Ltd		3,913,939,062	3,603,131,674
<u>3. Trả trước cho người bán (TK 331)</u>		<u>17,387,547,245</u>	<u>31,395,069,210</u>
Trong đó:			

- Công ty TNHH MTV XD & DV Vận Tải 24 Việt Nam		1,500,000,000
- Tổng công ty XDCT giao thông 6 (Công ty Cổ phần)	9,403,619,922	7,585,372,553
- Công ty CP DV-VT-TM & KTXDCT Huy Hoàng		12,241,696,060
- Công ty TNHH XL Điện Hưng Thịnh Phát	1,230,567,238	2,983,354,800
- Công ty CP XD và TM Vũ Nguyên		2,000,000,000

4. Các khoản phải thu khác

139,085,142,291

77,824,366,545

Các khoản phải thu khác (TK 1388)

18,885,142,291

38,024,366,545

Trong đó:

- Ban quản lý dự án XDGT Bắc Ninh (Kiểm toán căn cứ theo biên bản nghiệm thu giữa Công ty CPĐT XD Lương Tài và Ban quản lý dự án XDGT Bắc Ninh)

1,858,369,248

- BQL ĐT XD CT Nâng Cấp đô Thị Thành Phố (Kiểm toán căn cứ theo biên bản nghiệm thu giữa Công ty CP ĐT XD Lương Tài và BQL ĐT XD CT Nâng Cấp đô Thị Thành Phố)

17,337,300,660

7,329,128,410

- Tổng Công Ty XDCT Giao thông 6 (Kiểm toán căn cứ theo biên bản nghiệm thu giữa Công ty CPĐT XD Lương Tài và Tổng Công Ty XDCT Giao thông 6)

174,185,881

20,053,794,844

- Công ty Keangnam enterprises, Ltd (Kiểm toán căn cứ theo biên bản nghiệm thu giữa Công ty CPĐT XD Lương Tài và Công ty Keangnam enterprises, Ltd)

4,865,060,705

- Công ty Posco E&C, Ltd (Kiểm toán căn cứ theo biên bản nghiệm thu giữa Công ty CPĐT XD Lương Tài và Công ty Posco E&C, Ltd)

2,244,357,588

- Đỗ Khắc Công

150,000,000

150,000,000

- Huỳnh Thị Thanh Phương

300,000,000

300,000,000

- Lê Xuân Anh

200,000,000

200,000,000

Các khoản phải trả, phải nộp khác (TK 338)

120,200,000,000

39,800,000,000

- Phải trả phải nộp khác (TK 3388)

120,200,000,000

39,800,000,000

+ Bùi Đình Hưng

120,200,000,000

39,800,000,000

5. Hàng tồn kho

82,437,200,761

122,519,778,799

- Chi phí sản xuất dở dang (TK 154)

82,437,200,761

122,519,778,799

Trong đó :

+ Biệt thự Hoa Đào

5,803,581,777

5,803,581,777

+ Bến Thành Suối Tiên

396,256,000

396,256,000

+ Công An Cần Thơ

2,525,819,586

2,525,819,586

+ Công An Thành phố

96,408,900

96,408,900

+ CT cọc cát Đà Nẵng Quảng Ngãi

1,302,785,691

1,302,785,691

+ Công trình Cầu Giẽ Ninh Bình	5,311,605,571	69,018,452,519
+ Công trình Đà Nẵng Quảng Ngãi	1,638,303,027	
A1		
+ Công trình Đà Nẵng Quảng Ngãi	1,416,638,204	
A2		
+ Đường D965 (Quốc lộ 51 Cánh Cái Mép)	16,792,897,224	14,635,368,038
+ Hà Nội Lào Cai gói 2		1,563,977,345
+ Hà Nội Lào Cai gói 5	2,916,542,524	20,572,419,108
+ Hà Nội Hải Phòng	12,812,104,685	216,750,684
+ Hà Nội Lào	3,467,472,810	2,066,033,381
Cai		
+ Quốc Lộ 1	25,768,930,800	384,737,352
+ Công trình Trung tâm CN Sinh học (Quận 12)		34,388,995
+ Tân Hóa Lò Gốm	2,510,864,304	5,228,748,356
+ TL 280 Lương Tài, Bắc Ninh	73,245,658	73,245,658

Tài sản ngắn hạn khác

<u>6. Thuế GTGT được khấu trừ (TK 133)</u>	<u>116,984,097</u>	<u>3,503,670,585</u>
---	---------------------------	-----------------------------

* **Ghi chú:** Các số liệu về thuế kiểm toán tạm tính theo số liệu của đơn vị, số chính thức sẽ được cơ quan thuế quyết toán sau.

<u>7. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước (TK 333)</u>	<u>753,054,079</u>	<u>684,568,921</u>
- Thuế GTGT phải nộp (TK 3331)	23,823,490	
- Thuế tài nguyên (TK 3336)	10,000,000	
- Các loại thuế khác (TK 3338)	709,230,589	684,568,921
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp (TK 3339)	10,000,000	

* **Ghi chú:** Các số liệu về thuế kiểm toán tạm tính theo số liệu của đơn vị, số chính thức sẽ được cơ quan thuế quyết toán sau.

<u>8. Tài sản ngắn hạn khác</u>	<u>11,394,384,809</u>	<u>8,507,677,789</u>
<u>Tam ứng (TK 141)</u>	<u>9,359,078,384</u>	<u>5,853,016,364</u>
- Quỹ công trình Cầu Giẽ Ninh Bình		1,521,320,352
- Quỹ công trình Hà Nội - Lào Cai gói 5	6,096,428,446	2,900,629,870
- Quỹ công trình Hà Nội - Hải Phòng	1,343,058,813	439,413,607
- Quỹ Quốc lộ 1	194,898,273	441,529,381
- Quỹ công trình Cái Mép - đường D965		550,123,154
- Quỹ Đà Nẵng - Quảng Ngãi gói thầu A1	855,917,518	
- Quỹ Đà Nẵng - Quảng Ngãi gói	868,775,334	

thầu A2

Thế chấp, ký cược, ký quỹ (TK 144)

2,035,306,425

2,654,661,425

- Bưu điện huyện Tân Thành

3,000,000

3,000,000

- Công ty điện lực Thành Phố

53,909,645

53,909,645

- Tổng công ty XDCT Giao Thông 6

1,978,396,780

1,978,396,780

- Công ty CP SX TM KT Kỹ

5,000,000

Nguyên

- Công ty TNHH Dịch Vụ Đấu Giá và Tư Vấn Miền

614,355,000

Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9. Tài sản cố định

Nhóm TSCĐ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH						TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH			Cộng TSCĐ Vô Hình
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng TSCĐ Hữu Hình	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính		
I. Nguyên giá TSCĐ										
1. Số dư đầu kỳ	58,165,550,429	53,947,337,990	5,737,489,883	381,509,977	105,148,000	118,337,036,279	24,187,088,000			24,187,088,000
2. Số tăng trong kỳ		25,707,272,725	1,785,636,745			27,492,909,470				
- Mua sắm mới		25,707,272,725	1,785,636,745			27,492,909,470				
3. Số giảm trong kỳ			874,845,475			874,845,475				
- Do thanh lý			874,845,475			874,845,475				
4. Số dư cuối kỳ	58,165,550,429	79,654,610,715	6,648,281,153	381,509,977	105,148,000	144,955,100,274	24,187,088,000			24,187,088,000
II. Giá trị hao mòn										
1. Số dư đầu kỳ	3,660,017,371	20,620,227,923	1,444,338,963	316,048,979	45,564,142	26,086,197,378				
2. Số KH trích trong kỳ	1,820,520,034	5,017,082,459	670,626,246	34,198,998	21,029,604	7,563,457,341				
3. Số giảm trong kỳ			321,678,560			321,678,560				
- Thanh lý TSCĐ			321,678,560			321,678,560				
4. Số dư cuối kỳ	5,480,537,405	25,637,310,382	1,793,286,649	350,247,977	66,593,746	33,327,976,159				
III. Giá trị còn lại										
1. Số dư đầu kỳ	54,505,533,058	33,327,110,067	4,293,150,920	65,460,998	59,583,858	92,250,838,901	24,187,088,000			24,187,088,000
2. Số dư cuối kỳ	52,685,013,024	54,017,300,333	4,854,994,504	31,262,000	38,554,254	111,627,124,115	24,187,088,000			24,187,088,000

Ghi chú:

- Giá trị còn lại đến ngày 31/12/2014 của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay : 95.647.011.293 VND

- Giá trị còn lại đến ngày 31/12/2014 của tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay : 24.187.088.000 VND

- Nguyên giá tài sản cố định đến 31/12/2014 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 11.025.172.170 VND

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	12/31/2014	12/31/2014	1/1/2014
	Ngoại tệ	VND	VND
<u>10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (TK 241)</u>		<u>21,869,232,397</u>	<u>2,479,996,406</u>
- Xây dựng cơ bản dở dang		21,869,232,397	2,479,996,406
<i>Trong đó:</i>			
+ Kho Cử Chi		1,675,680,332	1,149,006,233
+ Kim Dinh		385,513,425	385,513,425
+ Khu du lịch nghỉ dưỡng CC Lộc An Xanh		945,476,748	945,476,748
+ Trạm trộn (Bình Thuận)		18,833,761,892	
<u>11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (TK 222)</u>		<u>2,625,000,000</u>	<u>2,625,000,000</u>
- Công ty CP XD & Địa Ốc Lương Tài (Tỷ lệ góp vốn : 2%)		2,625,000,000	2,625,000,000
<u>12. Chi phí trả trước dài hạn (TK 242)</u>		<u>48,849,992</u>	<u>146,249,992</u>
- Chi phí túi lọc bụi CT Cầu Giẽ		48,849,992	146,249,992
<u>13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (TK 243) (= (13.1) + (13.2))</u>		<u>219,127,415</u>	<u>157,130,034</u>
13.1 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại công trình Hà Nội - Hải Phòng		82,127,415	157,130,034
13.2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại công trình Quốc lộ 1 (= c)		137,000,000	
a) Doanh thu chưa thực hiện (Tổng Công ty XDCT Giao Thông 6 ứng tiền trước mà đơn vị chưa thực hiện)	12,454,545,455		
b) Lợi nhuận ước tính của doanh thu chưa thực hiện (= a x 0,05)	622,727,273		
c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (= b x 22%)	137,000,000		
<u>14. Tài sản dài hạn khác (TK 244)</u>		<u>5,023,857,041</u>	
- Tổng công ty XDCT Giao Thông 6		5,023,857,041	
<u>Nợ ngắn hạn</u>			
<u>15. Vay ngắn hạn (TK 311)</u>		<u>115,287,942,491</u>	<u>56,692,388,575</u>
- Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (CN Nam Sài Gòn) (a)		113,102,049,041	56,692,388,575

- Ngân hàng VP Bank Vũng Tàu (b)

2,185,893,450

(a.1) Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 02/2013/HĐTD/130738 ngày 09/08/2013 và phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 02/2013/HĐTD/130738 ngày 09/08/2013-PL1, năm 2013 giữa Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lương Tài và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Sài Gòn.

- Lãi suất được xác định trong từng giấy giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

(a.2) Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 03/2013/HĐTD-130738 ngày 17/12/2013 giữa Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lương Tài và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Sài Gòn.

- Lãi suất được xác định trong từng giấy giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

(a.3) Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2014/130738/HĐTD ngày 01/08/2014 giữa Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lương Tài và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Sài Gòn.

- Lãi suất được xác định trong từng giấy giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

- Các khoản vay này được thế chấp bởi giá trị còn lại đến ngày 31/12/2014 của tài sản cố định hữu hình: 95.647.011.293 VNĐ và giá trị còn lại đến ngày 31/12/2014 của tài sản cố định vô hình : 24.187.088.000 VNĐ

(b) Căn cứ theo Hợp đồng cấp tín dụng nguyên tắc số VT.D01.040314/K, ngày 04/03/2014 giữa Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lương Tài và ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - chi nhánh Vũng Tàu

- Lãi suất được xác định trong từng giấy giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

16. Phải trả cho người bán (TK 331)

73,138,248,186

59,046,232,117

Trong đó:

Công ty TNHH 58 Hoàng Minh

1,076,579,933

Công ty CP XD & Địa Ốc Lương Tài

6,484,230,567

11,342,279,799

Công ty TNHH XD TM Hòa Thuận Phát

1,775,810,776

1,068,217,406

Công ty TNHH XD Lương Thịnh

11,004,350,000

735,000,000

Công ty CP Thiết Kế Xây Dựng Nam Đô

2,494,911,931

Công ty CP ĐT XD & TM Quốc Tế

1,734,321,600

Công ty CP XD-TM-DV Vận Tải Thái Đình

1,141,413,295

1,258,963,014

Công ty CP XD & TM Vũ Nguyên

11,086,965,929

Công ty TNHH MTV KD TH SX Nhựa Nhũ Tương Xuân Mai	1,414,873,500	
DNTN Vận Tải KDDV Tú Anh	3,259,573,000	3,461,801,000
Hợp Tác Xã Dịch Vụ Thắng Đa Ngành Nghề	7,876,125,185	7,876,125,185
Tổng Công ty XD Số 1 - TNHH MTV	1,052,000,000	
<u>17. Người mua trả tiền trước (TK 131)</u>	<u>18,849,189,091</u>	<u>40,252,729,779</u>
Trong đó:		
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng 703	1,311,000,000	
- Tổng Công ty XD Số 1 - TNHH MTV	13,163,000,000	
- Trung tâm Công Nghệ Sinh Học Tp.HCM		1,515,768,246
- Vũ Thị Thứ	2,304,546,100	2,304,546,100
- BQL ĐT XD CT Nâng Cấp đô Thị Thành Phố		23,279,075,386
- Công ty Keangnam enterprises, Ltd		10,396,518,656
<u>18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (TK 333)</u>	<u>474,700,238</u>	<u>1,299,535,402</u>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 3334)	474,700,238	1,299,535,402
* Ghi chú: Các số liệu về thuế kiểm toán tạm tính theo số liệu của đơn vị, số chính thức sẽ được cơ quan thuế quyết toán sau.		
<u>19. Chi phí phải trả (TK 335)</u>	<u>777,943,517</u>	<u>3,678,387,274</u>
- Trích trước chi phí công trình Hà Nội Hải Phòng		1,875,769,103
- Trích trước chi phí công trình TL 280		1,802,618,171
- Trích trước chi phí lãi vay - Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	777,943,517	
<u>20. Các khoản phải trả, phải nộp khác</u>	<u>18,352,496,744</u>	<u>12,664,776,240</u>
<u>Phải thu khác (TK 138)</u>	<u>10,989,000</u>	<u>10,989,000</u>
- Đoàn Đắc Chúc	10,989,000	10,989,000
<u>Kinh phí công đoàn (TK 3382)</u>	<u>134,979,500</u>	<u>43,384,500</u>
<u>Nhân ký quỹ, ký cược ngắn hạn (TK3386)</u>		<u>40,000,000</u>
- Công ty CP giải pháp phần mềm tài chính		40,000,000
<u>Doanh thu chưa thực hiện (TK 3387)</u>	<u>18,206,528,244</u>	<u>12,570,402,740</u>
- Tổng Công ty XDCT Giao Thông 6	18,206,528,244	12,570,402,740

<u>21. Quỹ khen thưởng phúc lợi</u>	<u>1,874,823,654</u>	<u>109,107,119</u>
- Quỹ khen thưởng (TK 3531)		19,420,205
- Quỹ phúc lợi (TK 3532)	1,874,823,654	89,686,914

Nợ dài hạn

<u>22. Phải trả dài hạn khác</u>	<u>1,290,387,775</u>	<u>1,307,448,326</u>
<u>Nhân lý quỹ , ký cược dài hạn (TK 344)</u>	<u>1,290,387,775</u>	<u>1,307,448,326</u>

- Công ty CP DV Bảo Vệ - TV - TK - XD - KD Địa Ốc Việt Nam		73,347,251
- Công ty CP Giải Pháp QL Quốc Tế Hồng Quang	124,185,600	
- Công ty CP TVXD và ĐTPT Kiến Trúc Đô Thị	34,782,000	
- Poong Cheon Vina Co.,Ltd	56,818,575	56,818,575
- Công ty TNHH Secude International		378,658,800
- Công ty TNHH Công Nghệ Thế Giới Trẻ	199,941,900	140,532,000
- Công ty TNHH Famichem	55,000,000	
- Chi nhánh Công ty CP Diana tại TP.HCM	368,743,050	368,743,050
- VPDD Ejot Baubefestigungen GmbH tại TP.HCM	52,059,150	52,059,150
- Công ty CP giải pháp phần mềm tài chính	123,727,500	123,727,500
- IPT AS POSTBOOKS	113,562,000	113,562,000
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam	161,568,000	

<u>23. Vay và nợ dài hạn (TK 341)</u>	<u>48,828,801,090</u>	<u>34,758,457,410</u>
--	------------------------------	------------------------------

- Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam (Chi nhánh Nam Sài Gòn) (a)	47,866,263,090	34,021,307,410
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - CN Sài Gòn (b)	962,538,000	737,150,000

a.1) Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 03/2013/HĐ-130738, ngày 17/12/2013 giữa Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lương Tài và Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam (Chi nhánh Nam Sài Gòn) .

- Lãi suất được xác định trong từng giấy giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

a.2) Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2014/HĐ-130738, ngày 21/03/2014 giữa Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lương Tài và Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam (Chi nhánh Nam Sài Gòn) .

- Lãi suất được xác định trong từng giấy giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

- Các khoản vay này được thế chấp bởi giá trị còn lại đến ngày 31/12/2014 của tài sản cố định hữu hình: 95.647.011.293 VNĐ và giá trị còn lại đến ngày 31/12/2014 của tài sản cố định vô hình : 24.187.088.000 VNĐ

(b.1) Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng doanh nghiệp số 0001/2014/HĐTD/BVB16, ngày 03/01/2014 giữa Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lương Tài và Ngân hàng TMCP Bảo Việt - CN Sài Gòn.

- Lãi suất vay được xác định theo giấy giải ngân đã được ngân hàng phê duyệt.
- Khoản vay này được đảm bảo bởi xe ô tô Toyota Hilux.

(b.2) Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số 0005/2014/HĐTD/BVB16, ngày 05/08/2014 giữa Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lương Tài và Ngân hàng TMCP Bảo Việt - CN Sài Gòn.

- Lãi suất vay được xác định theo giấy giải ngân đã được ngân hàng phê duyệt.
- Khoản vay này được đảm bảo bởi xe ô tô Toyota Fortuner.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vốn chủ sở hữu
Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	24	25	26	29	27	28
	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
A	24	25	26	29	27	28
Số dư đầu năm trước	150,000,000,000	20,521,159,818	(568,522,890)	8,729,152,007	2,194,719,963	817,194,939
Tăng vốn trong năm 2013						
Lãi trong năm 2013				2,261,607,406		
Trích quỹ đầu tư phát triển				(82,600,600)	82,600,600	
Trích quỹ dự phòng tài chính				(1,151,331,774)		1,151,331,774
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi				(541,300,300)		
<u>Tăng khác</u>	-			93,286,638		
- Điều chỉnh tiền phạt chậm nộp do được gia hạn theo CV 266/TB-CCT ngày 01/03/2013				93,286,638		
<u>Giảm khác</u>	-			(175,921,238)		(1,928,115,518)
- Điều chỉnh tiền phạt chậm nộp thuế TNDN 2012 đã hạch toán TK3338 ngày 20/05/2012				(101,060,525)		
- Điều chỉnh thuế GTGT lịch				(39,806,916)		
- Phạt chậm nộp thuế TNDN theo CV ngày 19/12/2012				(25,053,797)		
- Lỗi do thanh lý chuyển nhượng vốn NM thủy điện Đại Nga cho Công ty Thác Mơ (Công ty CP Mỹ Hưng Tây Nguyên)						(500,000,000)
- Phạt chậm nộp thuế TNDN theo CV ngày 29/01/2013						(25,188,924)

- Phạt chậm nộp thuế TNDN theo CV ngày 28/03/2013										(36,987,068)
- Chi ủng hộ phòng chống lụt bão đối với DN 2013									(10,000,000)	
- Phạt chậm nộp thuế TNDN các văn bản tháng 3,4,5,6,7,8,9,10/2013 (Chi Cục thuế quận Phú Nhuận)										(197,412,813)
-Thuế GTGT không được khấu trừ của năm 2007-2008 theo QĐ 761/QĐ-CT-TTr3 ngày 13/03/2013										(140,993,632)
- Xử lý phạt vi phạm hành chính năm 2007-2008										(457,191,232)
- Truy thu thuế TNDN 2007-2008										(570,341,849)
- Khác										
Số dư cuối năm trước	150,000,000,000	20,521,159,818	(568,522,890)	20,521,159,818	9,132,892,139	2,277,320,563				40,411,195
Tăng vốn trong kỳ										
Lãi trong kỳ					1,989,358,810					
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2013										
Trích quỹ dự phòng tài chính					(28,270,092)					28,270,092
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi					(84,810,277)					
Tặng khác										1,409,985
- Điều chỉnh tiền phạt chậm nộp do được gia hạn theo CV 266/TB-CCT ngày 01/03/2013										1,409,985
<u>Giảm khác</u>									<u>(20,000,000)</u>	<u>(30,044,605)</u>
- Điều chỉnh giảm thuế GTGT hóa đơn số 0000021 ngày 10/03/2013 do doanh nghiệp bỏ trốn (Công ty TNHH Đại Quyết Thắng)										(800,000)
- Phạt chậm nộp thuế										(29,244,605)
- Chuyển quỹ đầu tư phát triển sang quỹ phúc lợi									(2,277,320,563)	
- Khác									(20,000,000)	
Số dư tại 31/12/2014	150,000,000,000	20,521,159,818	(568,522,890)	20,521,159,818	10,989,170,580	-				40,046,667

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số lượng cổ phiếu	31/12/2014	Tỷ lệ
- Vốn đầu tư của nhà nước	330,000	3,300,000,000	2.20%
- Vốn góp của các đối tượng khác	14,630,000	146,300,000,000	97.53%
- Cổ phiếu ngân quỹ	40,000	400,000,000	0.27%
Cộng	15,000,000	150,000,000,000	100%

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
<u>30. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511)</u>	<u>347,502,708,436</u>	<u>164,131,415,899</u>
Doanh thu bán hàng hóa (TK 5111)		3,169,939,818
Doanh thu xây dựng công trình (TK 5112)	341,648,128,091	152,695,900,604
Doanh thu cung cấp dịch vụ (TK 5113)	5,854,580,345	4,069,875,477
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư (TK 5117)		4,195,700,000
<u>31. Giá vốn hàng bán (TK 632)</u>	<u>316,523,742,170</u>	<u>144,456,993,114</u>
Giá vốn thương mại (TK 6321)		6,862,393,254
Giá vốn bán các thành phẩm (TK 6322)	313,772,421,368	135,076,862,448
Giá vốn cung cấp dịch vụ (TK 6323)	2,751,320,802	2,517,737,412
<u>32. Doanh thu hoạt động tài chính (TK 515)</u>	<u>246,107,480</u>	<u>1,391,798,439</u>
- Lãi ngân hàng	246,107,480	202,308,723
- Hoa hồng cước dịch vụ viễn thông từ ngày 01/07 đến 31/12/2013 (Công ty Điện Thoại Đông Thành Phố)		3,781,589
- Lãi chậm thanh toán tiền vật tư - thu của BQLDH DA XD Cầu Giẽ		1,185,708,127
<u>33. Chi phí hoạt động tài chính (TK 635)</u>	<u>17,600,118,281</u>	<u>12,034,299,551</u>
- Chi phí lãi vay	17,600,118,281	12,034,299,551
<u>34. Chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642)</u>	<u>10,831,723,401</u>	<u>6,010,882,370</u>
- Chi phí nhân viên quản lý (TK 6421)	2,005,959,690	1,371,899,052
- Chi phí vật liệu quản lý (TK 6422)	107,768,662	184,456,708
- Chi phí đồ dùng văn phòng (TK 6423)	86,861,982	62,469,527
- Chi phí khấu hao TSCĐ (TK 6424)	842,311,449	1,697,716,571
- Thuế, phí và lệ phí (TK 6425)	18,020,000	124,155,997
- Chi phí dự phòng (TK 6426)	39,590,909	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài (TK 6427)	6,700,402,024	1,408,777,335

- Chi phí bằng tiền khác (TK 6428) 1,030,808,685 1,161,407,180

35. Thu nhập khác (TK 711) **563,158,979** **622,459,335**

- Bồi thường hợp đồng do trả tăng 3,4 trước hạn theo BBTL hợp đồng 116/HĐKT/2012 (Công ty TNHH Secude International) 378,658,800

- Thanh lý xe ben 57L-2914 - Số máy D8AYL-041425 (Nguyễn Hữu Thanh) 17,272,727

- Thanh lý xe ben 57L-2927 - Số máy D8AYN-073096 (Nguyễn Hữu Thanh) 17,272,727

- Hoa hồng cước dịch vụ viễn thông từ ngày 01/07 đến 31/12/2014 - TTKD VNPT (TT Kinh doanh - CN Tđ BC VN VN - Viễn Thông HCM) 5,347,473

- Thanh lý cano nước đã qua sử dụng - CT Khải Tài (Công ty TNHH TM DV KT Khải Tài) 5,000,000

- Thanh lý xe Toyota Hilux G - Công ty Đức Cảnh (Công ty TNHH TM Đức Cảnh) 90,909,091

- Khác 48,698,161

- Thanh lý búa rung 120kw và máy bơm xối nước SJ300e (Công ty TNHH TM-DV Thụy Hưng) 454,545,455

- Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng CT HNLC gói 2 từ 01/04/2013-30/11/2013 (Công ty CP XD và Địa Ốc Lương Tài) 39,367,837

- Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng CT H2 - (Công ty CP XD và Địa Ốc Lương Tài) 5,022,234

- Hoa hồng cước dịch vụ viễn thông từ ngày 01/01 đến 30/06/2013 (Công ty Điện Thoại Đông Thành Phố) 2,225,091

- Tiền trạm điện cơ sở hạ tầng CT BTST (Công ty TNHH XD Bình Định) 26,571,445

- Cho thuê xe cước, búa rung, máy phát điện CT BTST (Công ty TNHH XD Bình Định) 94,727,273

<u>36. Chi phí khác (TK 811)</u>		<u>840,753,155</u>	<u>498,903,477</u>
- Thanh lý xe Toyota Hilux G màu đen HĐ 525 (11/12/2014)		553,166,915	
- Thanh toán chi phí thiết kế chợ Tân Thạnh HĐ 13 (Công ty TNHH Kiến Trúc Tầm Mắt Mới)		287,463,636	

- Khác		122,604	
- Thanh lý búa rung Tomen CM2-160 và máy cắt tủa SJ300E			327,987,415
- Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng CT HNLC gói 2 từ 01/04/2013-30/11/2013 (Côngty CP XD và Địa Ốc Lương Tài)			39,367,837
- Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng CT H2 - (Côngty CP XD và Địa Ốc Lương Tài)			5,022,234

- Chi phí tiền thuê búa rung, vận chuyển CT BTST (Côngty TNHH TM DV KT Tân Tiến Hưng)	29,500,000
- Chi phí cho thuê tổ máy phát điện CT BTST (Côngty TNHH SX TM DV Quốc Cường)	20,000,000
- Chi phí cho thuê xe đào bánh xích hiệu Hitachi CT BTST (Côngty CP Đầu Tư và Xây Dựng Hiệp Phong)	31,818,182
- Chi phí cho thuê xe đào bánh xích hiệu Hitachi và phí vận chuyển CT BTST (Côngty CP Đầu Tư và Xây Dựng Hiệp Phong)	18,636,364
- Chi phí trạm điện cơ sở hạ tầng CT BTST (Tổng Công ty XDCT Giao Thông 6 TNHH MTV)	26,571,445

37. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (= b

543,614,762

1,040,117,789

)

a. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,470,976,191
b. Chi phí thuế TNDN hiện hành (= a x 22%)	543,614,762

38. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (= a + b)

(61,997,381)

(157,130,034)

a) Chi phí thuế TNDN hoãn lại năm trước phát sinh từ tài sản thuế thu nhập hoãn lại (TK 243)	75,002,619
b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại năm 2014 (= b.3)	(137,000,000)
b.1) Doanh thu chưa thực hiện (Tổng Công ty XDCT Giao Thông 6 ứng tiền trước mà đơn vị chưa thực hiện)	12,454,545,455
b.2) Lợi nhuận ước tính của doanh thu chưa thực hiện (= a x 0,05)	622,727,273
b.3) Chi phí thuế thu nhập hoãn lại (Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (TK 243)) (= -(b.2 x	(137,000,000)

22%))

39. Lợi nhuận sau thuế TNDN (= a - b - c)

1,989,358,810

2,261,607,406

a. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,470,976,191
b. Thuế TNDN hiện hành năm 2014	543,614,762
c. Thuế TNDN hoãn lại năm 2014	(61,997,381)

40. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (= a / b)

133

151

a. Lợi nhuận sau thuế TNDN	1,989,358,810
b. Số cổ phiếu bình quân đang lưu hành (15.000.000 - 40.000)	14,960,000
Trong đó:	
- Số cổ phiếu phát hành	15,000,000
- Số cổ phiếu quỹ	40,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VI. Những thông tin khác.

1. Thông tin về các khoản nợ tiềm tàng và các cam kết khác:

- Không phát sinh.

2. Thông tin về hoạt động liên tục:

Đến ngày 31/12/2014, Công ty không có ý định hoặc yêu cầu phải giải thể, ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động, tìm kiếm sự bảo hộ từ các chủ nợ theo pháp luật và quy định hiện hành.

3. Thông tin về giao dịch các bên liên quan

- Đơn vị không bị kiểm soát bởi Công ty mẹ, công ty con.

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết trong nghị quyết đại hội cổ đông của doanh nghiệp, trong năm không phát sinh ảnh hưởng nào đến hoạt động của doanh nghiệp

- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, trong năm không phát sinh các sự việc bất thường

+ Tổng thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc (5 người)	- Lương năm 2014	462,000,000
--	------------------	-------------

Cộng 462,000,000

+ Ông Bùi Đình Hưng, chức vụ Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, số cổ phiếu nắm giữ 1.869.000 cổ phiếu
+ Ông Bùi Đình Hải, chức vụ Phó chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, số cổ phiếu nắm giữ 1.351.500 cổ phiếu
+ Bà Vũ Thị Thứ, chức vụ Thành viên Hội Đồng Quản Trị, số cổ phiếu nắm giữ 2.806.100 cổ phiếu
+ Ông Nguyễn Như Trực, chức vụ Phó Tổng Giám đốc, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, số cổ phiếu nắm giữ 100.000 cổ phiếu

- Tại ngày 31/12/2014, các khoản công nợ với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung	Số dư
Bùi Đình Hưng	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài ứng trước tiền để mua quyền sử dụng đất số 34 Nguyễn Thị Huỳnh, Quận Phú Nhuận	120,200,000,000

VI. Những thông tin khác.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Do chưa có hướng dẫn cụ thể thực hiện hạch toán, theo dõi về công cụ tài chính nên công ty chưa có sự chuẩn bị đầy đủ về hệ thống công nghệ thông tin, quy trình nghiệp vụ cơ sở dữ liệu, đào tạo nhân viên... để trình bày.

5. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

b) Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

c) Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp (xem thuyết minh V.1).

d) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng như cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

e) Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31/12/2014			
Các khoản vay và nợ	115,287,942,491	48,828,801,090	164,116,743,581
Phải trả người bán	58,687,147,311	14,809,709,221	73,496,856,532

Chi phí phải trả	777,943,517		777,943,517
Cộng	174,753,033,319	63,638,510,311	238,391,543,630

Tại ngày 31/12/2014, các khoản vay và nợ dài hạn từ 1 năm đến 5 năm là: 48,828,801,090

- Các khoản vay 48,828,801,090

+ Vay dài hạn NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Nam Sài Gòn) 47,866,263,090

+ Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Bảo Việt - CN Sài Gòn 962,538,000

Tại ngày 31/12/2014, khoản phải trả người bán từ 1 năm đến 5 năm là: 14,809,709,221

Tranh đó:

- Công ty TNHH ARIPACK 195,000,000

- Công ty TNHH TM Hải Linh 981,000,000

- Công ty CP Nam Á Châu 492,800,000

- Công ty CP XNK ĐT Tổng Hợp và Hợp Tác 133,199,398

- Công ty CP TM XD và SX Hoàng Nga 278,961,574

- Công ty TNHH XD-TM Tài Nguyên 442,836,850

- Công ty CP Vải Địa Kỹ Thuật VN 242,263,636

- DNTN Linh Phượng 200,000,000

- DNTN Thụy Hưng 221,675,592

- DNTN Trần Văn Quyền 651,883,500

- Hợp Tác Xã Dịch Vụ Thống Đa Ngành Nghề 7,876,125,185

f) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro khác.

g) Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong năm 2014 Công ty phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ và thực hiện theo chuẩn mực kiểm toán số 10.

h) Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

i) Độ nhạy ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính là không đáng kể.

j) Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã kiểm toán.

Nơi nhận:

- UBCK NN;
- Sở GD&ĐT HN;
- HĐQT;
- Ban Tổng giám đốc;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu VP.

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CÔNG TY
CHỦ TỊCH HĐQT



Bùi Đình Hưng